

Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016



Building a better
working world

Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016



Công ty Cổ phần nước giải khát Chương Dương

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 27

05
CÔNG
TẬP
GIÁ
NG
.P

Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4103002362 ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống, sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu và bao bì.

Công ty có trụ sở chính tại Số 606, Đường Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đức Hòa	Chủ tịch	
Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên	
Ông Lê Tuấn	Thành viên	
Ông Võ Văn Thọ	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên	miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Chí Hùng	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên	
Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Quang Dũng	Giám đốc Điều hành Sản xuất kiêm Giám đốc Cung ứng Kho vận	
Bà Nguyễn Thúy Phượng	Giám đốc Tài chính kiêm Giám đốc Kinh doanh	miễn nhiệm Giám đốc Kinh Doanh ngày 01 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Văn Thọ

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 61283614/ 18741223

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Building a better
working world

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh về báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 3 năm 2016. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 13 tháng 8 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013- 004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		212.357.941.310	225.311.490.724
110	I. Tiền	4	7.368.543.024	20.744.102.063
111	1. Tiền		7.368.543.024	20.744.102.063
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120.000.000.000	130.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	5.1	120.000.000.000	130.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		59.873.216.450	59.735.704.402
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	56.745.716.933	52.953.855.002
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		241.852.285	126.796.347
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.995.747.240	6.765.153.061
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(110.100.008)	(110.100.008)
140	IV. Hàng tồn kho	8	25.054.585.114	13.893.741.033
141	1. Hàng tồn kho		25.054.585.114	13.893.741.033
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		61.596.722	937.943.226
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		61.543.560	350.253.301
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	53.162	587.689.925
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		58.587.316.825	60.769.552.904
220	I. Tài sản cố định		16.095.759.540	38.667.667.260
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	15.876.141.303	17.268.801.123
222	Nguyên giá		66.612.175.469	66.190.175.469
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(50.736.034.166)	(48.921.374.346)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	219.618.237	21.398.866.137
228	Nguyên giá		1.300.192.426	22.378.109.926
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.080.574.189)	(979.243.789)
230	II. Bất động sản đầu tư	11	23.808.760.680	-
231	1. Nguyên giá		23.808.760.680	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		368.540.629	3.090.433.809
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		368.540.629	3.090.433.809
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		6.500.000.000	6.500.000.000
253	1. Đầu tư dài hạn khác	5.2	6.500.000.000	6.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		11.814.255.976	12.511.451.835
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.127.999.035	5.795.096.523
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		222.212.867	222.212.867
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		6.464.044.074	6.494.142.445
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270.945.258.135	286.081.043.628

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		71.516.508.527	85.460.061.296
310	I. Nợ ngắn hạn		70.896.508.527	84.840.061.296
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	39.251.149.035	29.845.706.983
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		553.145.288	7.332.549.456
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.882.932.654	7.544.816.467
314	4. Phải trả người lao động		3.805.207.897	9.624.803.636
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	19.529.304.373	25.950.113.889
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	520.977.778
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	4.507.923.037	1.089.118.353
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		366.846.243	2.931.974.734
330	II. Nợ dài hạn		620.000.000	620.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	620.000.000	620.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		199.428.749.608	200.620.982.332
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	199.428.749.608	200.620.982.332
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		85.000.000.000	85.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		85.000.000.000	85.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(347.276.838)	(347.276.838)
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		101.056.949.358	95.110.162.913
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.719.077.088	20.858.096.257
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối kỳ này		13.719.077.088	20.858.096.257
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		270.945.258.135	286.081.043.628



[Signature]
Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập

[Signature]
Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng

[Signature]
Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.1	193.874.169.623	129.940.165.888
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(8.589.943.210)	(5.962.046.799)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		185.284.226.413	123.978.119.089
11	4. Giá vốn hàng bán		(122.601.941.987)	(85.321.385.570)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.682.284.426	38.656.733.519
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	3.875.278.460	5.468.531.463
22	7. Chi phí tài chính		(2.163.652)	(95.528.577)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(37.777.778)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(32.828.015.382)	(29.345.921.785)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(16.641.673.065)	(16.241.050.329)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		17.085.710.787	(1.557.235.709)
31	11. Thu nhập khác		272.450.028	1.855.568.542
32	12. Chi phí khác		(78.003.251)	(70.915.733)
40	13. Lợi nhuận khác		194.446.777	1.784.652.809
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.280.157.564	227.417.100
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	(3.561.080.476)	(55.520.474)
60	16. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		13.719.077.088	171.896.626
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.5	1.618	20
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.5	1.618	20

Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập

Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng

Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.280.157.564	227.417.100
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản		1.915.990.220	1.781.932.621
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	862.684
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.866.735.217)	(5.442.247.263)
06	Chi phí tài chính		-	37.777.778
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.329.412.567	(3.394.257.080)
09	Giảm các khoản phải thu		2.895.433.583	60.827.646.690
10	Tăng hàng tồn kho		(11.130.745.710)	(35.599.306.399)
11	Giảm các khoản phải trả		(12.103.483.628)	(41.633.506.740)
12	Giảm chi phí trả trước		917.807.229	4.693.919.847
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(37.777.778)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23	(6.874.660.694)	(55.520.474)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	282.522.800
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.353.078.303)	(3.221.310.856)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(15.319.314.956)	(18.137.589.990)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(430.950.000)	(711.141.561)
23	Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(154.900.000.000)	-
24	Thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		164.900.000.000	25.000.000.000
27	Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		1.920.485.217	3.547.455.596
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11.489.535.217	27.836.314.035
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(9.545.779.300)	(9.355.195.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(9.545.779.300)	(9.355.195.000)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(13.375.559.039)	343.529.045
60	Tiền đầu kỳ	4	20.744.102.063	12.222.297.565
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(862.684)
70	Tiền cuối kỳ	4	7.368.543.024	12.564.963.926



Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập



Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng



Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4103002362 ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống, sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu và bao bì.

Công ty có trụ sở chính tại Số 606, Đường Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 430 người (ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 404 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty ("Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo :

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.2 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
dụng cụ

Thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 19
Nhà xưởng và máy móc	5 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 8
Dụng cụ quản lý	3 - 7
Khác	3 - 10
Phần mềm	10

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ chuyên môn và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền trong đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế TNDN của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN t thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	43.495.870	45.971.050
Tiền gửi ngân hàng	7.325.047.154	20.698.131.013
TỔNG CỘNG	7.368.543.024	20.744.102.063

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới một (1) năm, và hưởng lãi suất từ 5,5%/ năm đến 6,3%/ năm.

5.2 Đầu tư dài hạn khác

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn Tây Đô	650.000	6.500.000.000	650.000	6.500.000.000

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hiếu Huy	14.686.037.845	3.767.660.623
Công ty TNHH Hoàng Tuấn	14.289.578.866	21.239.525.068
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tâm Đồng Phát	3.037.787.138	6.690.178.891
Khách hàng khác	24.732.313.084	21.256.490.420
TỔNG CỘNG	56.745.716.933	52.953.855.002
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(110.100.008)	(110.100.008)
GIÁ TRỊ THUẦN	56.635.616.925	52.843.754.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu tiền lãi tiền gửi	1.946.250.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	853.375.200	162.075.600
Phải thu ngắn hạn khác	196.122.040	303.077.461
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	-	6.300.000.000
TỔNG CỘNG	<u>2.995.747.240</u>	<u>6.765.153.061</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Thành phẩm	13.079.060.845	2.553.647.173
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	11.777.167.653	11.174.597.966
Công cụ dụng cụ	198.356.616	165.495.894
TỔNG CỘNG	<u>25.054.585.114</u>	<u>13.893.741.033</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.960.750.637	47.168.756.147	10.562.500.685	498.168.000	66.190.175.469
Mua trong năm	-	422.000.000	-	-	422.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>7.960.750.637</u>	<u>47.590.756.147</u>	<u>10.562.500.685</u>	<u>498.168.000</u>	<u>66.612.175.469</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.279.236.816	35.697.149.014	2.729.942.332	308.557.774	41.014.885.936
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(3.833.646.096)	(39.661.474.432)	(5.066.368.066)	(359.885.752)	(48.921.374.346)
Khấu hao trong năm	(282.796.908)	(926.858.684)	(587.491.404)	(17.512.824)	(1.814.659.820)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(4.116.443.004)</u>	<u>(40.588.333.116)</u>	<u>(5.653.859.470)</u>	<u>(377.398.576)</u>	<u>(50.736.034.166)</u>
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>4.127.104.541</u>	<u>7.507.281.715</u>	<u>5.496.132.619</u>	<u>138.282.248</u>	<u>17.268.801.123</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>3.844.307.633</u>	<u>7.002.423.031</u>	<u>4.908.641.215</u>	<u>120.769.424</u>	<u>15.876.141.303</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	21.077.917.500	104.000.000	1.196.192.426	22.378.109.926
Phân loại sang bất động sản đầu tư	<u>(21.077.917.500)</u>	-	-	<u>(21.077.917.500)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	<u>104.000.000</u>	<u>1.196.192.426</u>	<u>1.300.192.426</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	-	247.888.400	247.888.400
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(36.833.335)	(942.410.454)	(979.243.789)
Hao mòn trong năm	-	<u>(6.499.998)</u>	<u>(94.830.402)</u>	<u>(101.330.400)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	<u>(43.333.333)</u>	<u>(1.037.240.856)</u>	<u>(1.080.574.189)</u>
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>21.077.917.500</u>	<u>67.166.665</u>	<u>253.781.972</u>	<u>21.398.866.137</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>-</u>	<u>60.666.667</u>	<u>158.951.570</u>	<u>219.618.237</u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuê tọa lạc tại khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá để chuyển nhượng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên biên bản làm việc với các đối tác tiềm năng, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí chai, kết trả trước	<u>5.127.999.035</u>	<u>5.795.096.523</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho bên thứ ba	36.967.687.137	27.743.167.585
- Công ty TNHH Baosteel Can Making Việt Nam	24.020.703.300	12.673.251.088
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Minh	4.550.973.000	6.385.155.000
- Phải trả đối tượng khác	8.396.010.837	8.684.761.497
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	2.283.461.898	2.102.539.398
TỔNG CỘNG	<u>39.251.149.035</u>	<u>29.845.706.983</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(587.636.763)	-	(587.636.763)	-
Thuế giá trị gia tăng	(53.162)	311.883.281	(311.883.281)	(53.162)
TỔNG CỘNG	<u>(587.689.925)</u>	<u>311.883.281</u>	<u>(899.520.044)</u>	<u>(53.162)</u>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.643.049.254	4.914.836.064	(6.279.147.550)	1.278.737.768
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 23)	4.898.465.173	3.561.080.476	(6.874.660.694)	1.584.884.955
Thuế thu nhập cá nhân	-	23.694.813	(5.488.962)	18.205.851
Thuế tài nguyên	3.302.040	12.789.258	(14.987.218)	1.104.080
TỔNG CỘNG	<u>7.544.816.467</u>	<u>8.512.400.611</u>	<u>(13.174.284.424)</u>	<u>2.882.932.654</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí hỗ trợ, khuyến mãi và quảng cáo	14.316.601.767	18.249.744.144
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	3.922.261.248	3.985.441.694
Chi phí thuê đất	1.003.072.539	2.845.760.000
Chi phí phải trả khác	287.368.819	869.168.051
TỔNG CỘNG	<u>19.529.304.373</u>	<u>25.950.113.889</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cổ tức phải trả (*)	3.410.332.150	239.651.450
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.097.590.887	849.466.903
TỔNG CỘNG	4.507.923.037	1.089.118.353
(*) Trong đó		
Cổ tức phải trả cho bên liên quan (thuyết minh số 24)	3.410.332.150	-
Cổ tức phải trả khác	-	239.651.450

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền đặt cọc từ các công ty vận chuyển	600.000.000	600.000.000
Khác	20.000.000	20.000.000
TỔNG CỘNG	620.000.000	620.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn góp	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	85.000.000.000	(347.276.838)	85.493.818.878	20.563.510.703	190.710.052.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	171.896.626	171.896.626
Cổ tức công bố	-	-	-	(13.564.224.000)	(13.564.224.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	6.999.286.703	(6.999.286.703)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>85.000.000.000</u>	<u>(347.276.838)</u>	<u>92.493.105.581</u>	<u>171.896.626</u>	<u>177.317.725.369</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	85.000.000.000	(347.276.838)	95.110.162.913	20.858.096.257	200.620.982.332
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.719.077.088	13.719.077.088
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.946.786.445	(8.141.636.257)	(2.194.849.812)
Cổ tức công bố	-	-	-	(12.716.460.000)	(12.716.460.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>85.000.000.000</u>	<u>(347.276.838)</u>	<u>101.056.949.358</u>	<u>13.719.077.088</u>	<u>199.428.749.608</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</u>	
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>% sở hữu</i>	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>% sở hữu</i>
	VND		VND	
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	52.615.000.000	62	52.615.000.000	62
Các cổ đông khác	32.385.000.000	38	32.385.000.000	38
TỔNG CỘNG	85.000.000.000	100	85.000.000.000	100

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ tức đã công bố trong kỳ	12.716.460.000	13.564.224.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	(9.545.779.300)	(10.153.891.850)

18.4 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	8.500.000	8.500.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.500.000	8.500.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(22.360)	(22.360)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.477.640	8.477.640

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp, sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi, phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	13.719.077.088	171.896.626
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	13.719.077.088	171.896.626
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>8.477.640</u>	<u>8.477.640</u>
Lãi trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	1.618	20
- Lãi suy giảm	1.618	20

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>
Tổng doanh thu	193.874.169.623	129.940.165.888
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	193.254.546.851	128.586.134.570
<i>Khác</i>	619.622.772	1.354.031.318
Trừ:	8.589.943.210	5.962.046.799
Chiết khấu thương mại	8.450.981.910	5.962.046.799
Hàng bán bị trả lại	138.961.300	-
Doanh thu thuần	<u>185.284.226.413</u>	<u>123.978.119.089</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

19. DOANH THU (tiếp theo)

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi	3.541.735.217	3.817.247.263
Cổ tức nhận được	325.000.000	1.625.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.543.243	26.284.200
TỔNG CỘNG	<u>3.875.278.460</u>	<u>5.468.531.463</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.559.001.836	106.154.048.627
Chi phí nhân công	23.886.881.848	24.832.429.688
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.915.990.220	1.781.932.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.606.819.241	11.921.764.524
Chi phí khác	17.628.350.961	22.807.139.959
TỔNG CỘNG	<u>182.597.044.106</u>	<u>167.497.315.419</u>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>
Chi phí hỗ trợ bán hàng	8.050.920.881	5.513.663.733
Chi phí lương nhân viên	6.273.771.868	5.451.103.979
Chi phí quảng cáo	5.856.101.764	8.205.959.801
Chi phí vận chuyển	5.035.245.984	3.772.145.072
Chi phí chai, két	3.991.447.888	3.552.552.364
Chi phí khác	3.620.526.997	2.850.496.836
TỔNG CỘNG	<u>32.828.015.382</u>	<u>29.345.921.785</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>
Chi phí thuê kho, thuê đất	5.476.102.186	5.275.441.386
Chi phí lương nhân viên	3.797.390.600	5.351.303.630
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.176.747.768	1.813.291.778
Hoạt động nhóm và quà cho nhân viên	1.787.750.527	1.712.444.424
Chi phí khấu hao	527.017.650	387.519.543
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.876.664.334	1.701.049.568
TỔNG CỘNG	<u>16.641.673.065</u>	<u>16.241.050.329</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% trên lợi nhuận chịu thuế (năm 2015 là 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.280.157.564	227.417.100
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí thuế không được khấu trừ	577.388.800	1.649.948.691
Cổ tức nhận được	(325.000.000)	(1.625.000.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính	<u>17.532.546.364</u>	<u>252.365.791</u>
Thuế TNDN phải trả ước tính	3.561.080.476	55.520.474
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	4.898.465.173	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(6.874.660.694)	(55.520.474)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	<u>1.584.884.955</u>	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015
Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	(9.545.779.300)	(8.418.400.000)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Tây Đô	Bên liên quan	Nhận cổ tức	325.000.000	1.625.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn khác				
Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Hỗ trợ quảng cáo	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Tây Đô	Bên liên quan	Cổ tức	-	1.300.000.000
			<u>-</u>	<u>6.300.000.000</u>

Phải trả ngắn hạn nhà cung cấp

Công ty Cổ phần Vân tải Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	2.102.539.398	2.102.539.398
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Phú Thọ	Bên liên quan	Mua chai	180.922.500	-
			<u>2.283.461.898</u>	<u>2.102.539.398</u>

Phải trả ngắn hạn khác

Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	<u>3.410.332.150</u>	-
--	------------	----------------	----------------------	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015
Dưới 1 năm	980.987.600	980.987.600
Từ 2 đến 5 năm	3.923.950.400	3.923.950.400
Trên 5 năm	33.259.327.267	34.240.314.867
TỔNG CỘNG	<u>38.164.265.267</u>	<u>39.145.252.867</u>

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giá trị ước tính hàng hóa nhận giữ hộ	52.713.058.712	62.916.694.346

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập



Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng



Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2016